

Bản án số: **236** /2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 / 8 /2024
Về việc: *Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Thu Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Đặng Thị Huệ**

2. Ông **Phạm Văn Ninh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thảo Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Lương Nguyễn Thảo Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2024/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tương Thị H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh T.

Chị Hoà có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện Y, tỉnh T.

Anh Hường đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Tương Thị H và anh Trần Văn Hg kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh T. Theo chị H thì quá trình chung sống vợ chồng không được hoà thuận do anh H thường xuyên rượu chè, không tu chí làm ăn và không thể nuôi dạy được con cái; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay, hiện không còn tình cảm. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn H. Anh Trần Văn H cho rằng vợ chồng anh chung sống bình thường, anh thấy mình không có lỗi gì, chỉ hay uống rượu, cô H hay nói nhưng anh không bỏ được, anh không đánh vợ bao giờ; hiện nay vợ

chồng anh đã ly thân, cô H đi làm công ty ở Hải Phòng và thi thoảng chỉ về nhà mẹ đẻ, anh không có cách nào liên lạc và không gặp được cô H; anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm, yêu quý vợ con.

Về con chung: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H cùng thống nhất xác định có 02 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 03/01/2010 và Trần Thị Phương T, sinh ngày 07/7/2012 hiện cả hai con đều đang được chị H gửi nuôi tại nhà ông bà ngoại các cháu ở cùng thôn L. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con gái nhỏ là Trần Thị Phương T; giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con trai lớn là Trần Văn H; chị và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh H đề nghị, nếu cô H cứ kiên quyết ly hôn thì anh xin nuôi cả hai con chung của anh và cô H, yêu cầu cô Hoà cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 5.000.000 đồng/tháng/02 con.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H cùng thống nhất xác định có tài sản chung nhưng tự thoả thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H xác định không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn đã tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Trương Thị H và anh Trần Văn H, tuy nhiên chị H và H đều đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và xin vắng mặt tại phiên toà; không ai đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào khác với nội dung đã trình bày.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn khi tham gia tố tụng dân sự đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2009 tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn không thể hoà giải được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn còn anh H không đồng ý nhưng cả hai đều đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Trương Thị H. Do chị H và anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con; đề nghị HĐXX xử giao cho anh H nuôi con Trần Văn H, sinh ngày 03/01/2010 và giao cho chị H nuôi con Trần Thị Phương T, sinh ngày 07/7/2012; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp. Chị H và anh H cùng xác định có tài sản chung nhưng tự thoả thuận và không có vay nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Đề nghị HĐXX tuyên chị Trương Thị H phải chịu án phí; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ (tổng đạt trực tiếp, gửi bảo đảm qua đường bưu điện) các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng quy định pháp luật tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh T vào ngày 13/11/2009. Như vậy quan hệ hôn nhân của chị H và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày nhưng không có cách giải quyết, không thể tự hoà giải. Quá trình Toà án giải quyết, chị Trương Thị H có mặt và có bản tự khai. Anh Trần Văn H không có mặt theo giấy triệu tập; Toà án phải tiến hành lấy lời khai và xác minh tại nơi cư trú. Chị Trương Thị H yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với anh Trần Văn H nhưng anh H không đồng ý ly hôn, tuy nhiên cả hai anh chị đều đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải và đề nghị Toà án xét xử vụ án theo nguyện vọng của mình.

Như vậy, có đủ cơ sở cho thấy hôn nhân của chị Trương Thị H và anh Trần Văn H đã lâm vào tình trạng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng tiếp tục chung sống. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận xử cho chị Trương Thị H được ly hôn với anh Trần Văn H.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H có 02 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 03/01/2010 và Trần Thị Phương T, sinh ngày 07/7/2012; hiện cả hai con đều phát triển bình thường. Anh H xin nuôi cả hai con chung và yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh là 5.000.000 đồng/tháng/02 con; chị H đề nghị anh chị mỗi người nuôi một con chung, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ trên cơ sở xem xét về nguyện vọng nuôi con, về công việc và thực trạng cuộc sống hiện tại của các bên đương sự, đồng thời để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử thấy giao con gái Trần Thị Phương T, sinh ngày 07/7/2012 cho chị H và giao con trai Trần Văn H, sinh ngày 03/01/2010 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; chị H và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom chăm sóc con chung là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H cùng xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thoả thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H cùng xác định vợ chồng không có vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trương Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; anh Trần Văn H không phải nộp án phí.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 166, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Trương Thị H được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung:

Xử: Giao con chung là Trần Thị Phương T, sinh ngày 07/7/2012 cho chị Trương Thị H và giao con chung là Trần Văn H, sinh ngày 03/01/2010 cho anh Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Trương Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002091 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Trương Thị H đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Trần Văn H không phải nộp án phí.

Chị Trương Thị H và anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên toà, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn (02 bản);
- CC THA DS huyện Yên Sơn (để thi hành);
- UBND xã Xuân Vân, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS vụ án;
- Lưu TA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Huệ

Phạm Văn Ninh

Đào Thị Thu Thủy

Báo cáo xét xử vụ án HNGĐ

Hội 14h ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuyên Quang

*Hội đồng xét xử sơ thẩm: Thẩm phán **Đào Thị Thu Thủy***

*Các Hội thẩm nhân dân: **Lý Thúy Hà** và **Lý Thị Nhân***

*- Thư ký: **Phạm Kim Tuyến***

*- Kiểm sát viên **Nguyễn Thị Linh***

Các đương sự:

*- Nguyên đơn: **Chị Trần Thanh Nga**, sinh năm 1989*

Địa chỉ: Thôn 1, xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

*- Bị đơn: **Anh Hoàng Văn Sơn**, sinh năm 1988*

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại dân phố 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang. Theo chị Nga thì vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn lớn do cách sống hai bên không hòa hợp, luôn xảy ra xung khắc nhất là về làm ăn kinh tế, anh Sơn thường xuyên rượu chè và không tôn trọng gia đình chị. Đỉnh điểm là năm 2018, anh Sơn lao vào cờ bạc không dứt ra được mặc dù hai bên gia đình khuyên can, hậu quả phải bán nhà đất để trả nợ. Do cuộc sống như vậy nên chị đã phải đưa con nhỏ về nhà bố mẹ để chị sinh sống, vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay không còn liên quan gì đến nhau. Nay chị Trần Thanh Nga xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không có tương lai, không thể đoàn tụ chung sống được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Sơn.

Về con chung: Chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn có 01 con chung tên là Hoàng Ngọc Trâm, sinh ngày 30/11/2009, hiện đang do chị Nga nuôi dưỡng. Chị Nga đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, không yêu cầu anh Sơn cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Trần Thanh Nga xác định chị và anh Hoàng Văn Sơn hiện không có tài sản chung và không vay nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã nhiều lần báo gọi làm việc, tiến hành các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn nhưng anh Sơn đều vắng mặt không có lý do.

** Kết quả xác minh với gia đình của anh Hoàng Văn Sơn thể hiện: Anh Hoàng Văn Sơn và chị Trần Thanh Nga được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn, có tổ*

chức cưới theo phong tục địa phương. Anh chị chung sống tại tổ 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang thời gian đầu hạnh phúc, sau khoảng 4-5 năm thì mâu thuẫn, trực trặc do bất đồng trong cuộc sống và làm ăn kinh tế, anh Sơn là lao động tự do công việc không ổn định. Sau đó chị Nga đi làm công nhân ở Thái Nguyên, vợ chồng xa cách nên tình cảm không còn. Khoảng năm 2015 chị Nga chuyển về ở nhà ngoại và đến năm 2020 thì chị chuyển khẩu về Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Anh chị Sơn – Nga có 01 con chung hiện đang do chị Nga nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung gì có giá trị và không thấy vay nợ của ai. Hiện anh Sơn đang đi làm xa không biết địa chỉ chính xác, gia đình có thông báo qua điện thoại cho anh Sơn về giải quyết ly hôn theo các văn bản của Tòa án nhưng vì công việc anh không về được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Kết quả xác minh với gia đình của chị Trần Thanh Nga thể hiện:* Năm 2009, chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn tự nguyện kết hôn, sau đó sinh sống tại tổ 6 (tổ 9 cũ), phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang. Đến năm 2015, anh chị mâu thuẫn do anh Sơn có hiện tượng nợ nần do cờ bạc, ngoài ra còn hay uống rượu say dẫn đến vợ chồng thường xuyên xô xát cãi vã. Đầu năm 2018, vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên chị Nga đã đưa con nhỏ Hoàng Ngọc Trâm về sống với nhà bố mẹ đẻ tại thôn 1, xã Đạo Viện, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Từ đó không thấy anh Sơn qua lại thăm nom, nghe nói đi làm ăn xa nhưng không rõ đi đâu, làm gì. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị Nga theo quy định pháp luật.

** Kết quả xác minh với chính quyền cơ sở thể hiện:* Anh Hoàng Văn Sơn và chị Trần Thanh Nga sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức cưới thì về sinh sống tại tổ dân phố 6, phường Hưng Thành, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Cách nay 6 -7 năm thì chị Nga không còn ở tổ 6, phường Hưng Thành nữa còn anh Sơn đi làm xa, nhà thường xuyên khóa cửa. Anh chị Sơn – Nga hiện sống ly thân, chị Nga đã đưa con nhỏ của anh chị về ở tại nhà ngoại. Chính quyền tổ 6 có lần có nhận được phong bì của Tòa án gửi cho anh Sơn nhưng cũng không gặp và chuyển được cho anh Sơn. Anh chị Sơn – Nga không vay nợ các tổ chức của tổ dân phố, về vay nợ khác thì địa phương không nắm được.

Do anh Hoàng Văn Sơn không có mặt tại các buổi làm việc theo các giấy báo và thông báo của Tòa án vì vậy không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải giữa chị Trần Thanh Nga và anh Hoàng Văn Sơn.

Đề xuất hướng xét xử vụ án

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 166, khoản 2 Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho chị Trần Thanh Nga được ly hôn anh Hoàng Văn Sơn.

2. Về con chung:

Xử: Giao con chung là Hoàng Ngọc Trâm, sinh ngày 30/11/2009 cho chị Trần Thanh Nga trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Anh Hoàng Văn Sơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do hiện tại chị Nga không yêu cầu). Anh Hoàng Văn Sơn có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị Trần Thanh Nga phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000196 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang. Chị Trần Thanh Nga đã nộp đủ án phí của vụ án.

Anh Hoàng Văn Sơn không phải nộp án phí.

Thẩm phán báo cáo

Đào Thị Thu Thủy